

Bản án số: 20/2019/HS-ST
Ngày 25-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngát

2. Ông Vi Văn Hải

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn H - sinh ngày 10/9/1996 tại thị xã P, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Khu 3, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn H - sinh năm 1974 và bà Hà Thị H - sinh năm 1976; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không. Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

2. Hoàng Anh Đ - sinh ngày 25/11/1995 tại thị xã P, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Khu 5, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Hoàng Văn Đ - sinh năm 1972 và bà Vi Thị Thu H - sinh năm 1976; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không. Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

+Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn Đ - sinh năm 1972. Trú tại: Khu 5, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

+Người chứng kiến: Ông Nguyễn Hữu H - sinh năm 1969

Trú tại: Khu 4, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 45 phút ngày 22/11/2018, tổ công tác của Công an thị xã P đang làm nhiệm vụ tại khu vực đường Hùng Vương, thuộc khu 4, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ phát hiện Hoàng Anh Đ điều khiển xe mô tô BKS: 19M1 - 03.759 có biểu hiện nghi vấn liên quan đến tàng trữ hàng cấm, nên đã yêu cầu dừng lại. Tổ công tác đã mời người chứng kiến cùng tiến hành kiểm tra đối với Hoàng Anh Đ. Quá trình kiểm tra thu giữ tại giá để hàng xe mô tô của Đ: 01 bao tải màu trắng và 01 túi nilon màu đen. Tiến hành kiểm tra trong bao tải màu trắng phát hiện có 03 khối hộp vỏ ngoài bọc giấy màu, kích thước (18,5 x 18,5 x 17) cm, trên các mặt của hộp đều in chữ nước ngoài và 01 mặt có in hình pháo hoa, cân trọng lượng của mỗi hộp là 2,5 kg. Kiểm tra bên trong túi nilon màu đen phát hiện 02 khối hộp vỏ ngoài bọc giấy màu, kích thước (14 x 14,5 x 15) cm, trên các mặt của hộp đều in chữ nước ngoài và 01 mặt in hình pháo hoa, cân trọng lượng của mỗi hộp là 1,4 kg. Tại nơi kiểm tra, Đ khai nhận 05 hộp trên là pháo hoa, loại pháo giàn 36 của Đ đang trên đường mang về nhà để cất giữ và sử dụng. Tổ công tác đã cho 05 khối hộp trên vào trong 01 thùng giấy cát tông dán kín lại, trên mép dán có 03 giấy niêm phong, mỗi giấy niêm phong đều có chữ ký của Đ cùng các thành phần tham gia và đóng 03 hình dấu tròn của công an xã P, thị xã P. Ngoài ra, tổ công tác còn thu giữ của Đ: tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 466.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 gắn thẻ sim 0359.466.000; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS 19M1 - 03.759; 01 đăng ký xe mang tên Hoàng Văn Đ; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Anh Đ. Sau khi kiểm tra xong, tổ công tác đưa Đ, người chứng kiến cùng toàn bộ tang vật về trụ sở công an xã P, thị xã P để lập biên bản theo quy định.

Ngày 23/11/2018, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định 05 khối hộp thu giữ của Hoàng Anh Đ. Tại kết luận giám định số 6599/C09- P2, ngày 23/11/2018 của Viện khoa học hình sự, Bộ công an kết luận:

- 03 khối hình hộp đều có kích thước (18,5 x 18,5 x 17) cm, vỏ ngoài bọc giấy màu, bên trong mỗi khối hộp gồm 36 ống hình trụ vỏ giấy được liên kết với nhau.

- 02 khối hình hộp đều có kích thước (14 x 14,5 x 15) cm, vỏ ngoài bọc giấy màu, bên trong mỗi khối hộp gồm 36 ống hình trụ vỏ giấy được liên kết với nhau.

Các mẫu vật gửi giám định đều là pháo, có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ). Tổng khối lượng pháo là 10,3 kg (mười phẩy ba kilôgam).

Trả lại mẫu vật sau khi trích 4,2 kg pháo để giám định.

Tại cơ quan điều tra Hoàng Anh Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ hàng cấm của mình vào ngày 22/11/2018 như đã nêu trên. Về nguồn gốc pháo, Đ khai mua của Trần Văn H với giá 850.000 đồng/01 hộp, tổng số tiền là: 4.250.000 đồng. Số pháo này, Đ mua để sử dụng trong dịp tết nguyên đán.

Căn cứ lời khai của Hoàng Anh Đ, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hoàng Anh Đ, Trần Văn H, nhưng không phát hiện và thu giữ gì. Đồng thời cơ quan điều tra đã triệu tập Trần Văn H đến để làm việc. Tại cơ quan điều tra Trần Văn H và Hoàng Anh Đ đều khai nhận hành vi mua bán hàng cấm của mình.

Quá trình điều tra, Trần Văn H đã giao nộp 01 chiếc điện thoại Iphone 6 màu xám đen đã qua sử dụng, gắn thẻ sim 0988.426.458 là điện thoại H sử dụng liên lạc khi mua bán pháo. Cơ quan điều tra đã tiến hành tra cứu lịch sử cuộc gọi đi đến của H. Kết quả thể hiện phần lịch sử cuộc gọi trong các ngày 21 và 22/11/2018 phát sinh cuộc gọi đi, đến số 0359.466.000 là số điện thoại của Hoàng Anh Đ, đúng trong khoảng thời gian mà H và Đ gọi điện liên lạc để mua bán pháo như đã khai báo tại cơ quan điều tra. Căn cứ lời khai của Trần Văn H, cơ quan điều tra đã cho H nhận diện số thuê bao của người đàn ông tên Q (đã bán pháo cho H) trong danh sách lịch sử cuộc gọi đi, cuộc gọi đến từ số thuê bao của H nhưng H không nhớ và không nhận ra được số thuê bao của Q. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác định được đối tượng tên Q như H khai báo. Trần Văn H, phải chịu trách nhiệm hình sự về số pháo đã bán cho Hoàng Anh Đ.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Anh Đ nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau: Qua mối quan hệ xã hội bị cáo quen biết với Trần Văn H là bạn làm cùng công ty Matsuoka tại khu công nghiệp Phú Hà, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ và biết H có bán pháo hoa. Khoảng giữa tháng 11/2018, bị cáo gặp và hỏi mua của H 05 giàn pháo hoa, loại giàn 36 để đốt trong dịp tết nguyên đán. H đồng ý và nói với bị cáo giá 850.000 đồng/1 giàn. Bị cáo đồng ý và đưa trước cho H 4.250.000 đồng. H cầm tiền và bảo bị cáo khi nào có pháo sẽ gọi. Đến khoảng 20 giờ ngày 21/11/2018, bị cáo đang ở nhà thì H dùng số điện thoại của mình là 0988.426.458 gọi điện vào số điện thoại của bị cáo là 0359.466.000 và bảo bị cáo lên nhà của H tại khu 3, xã P, thị xã P để lấy pháo. Bị cáo một mình điều khiển xe máy đến nhà của H, tại đây, H đưa cho bị cáo một chiếc túi nilon màu xanh bên trong có chứa 02 hộp pháo hoa giàn 36 và nói còn 3 giàn H sẽ đưa sau. Bị cáo đồng ý, cầm túi nilon đựng 02 giàn pháo đi về. Khi về đến nhà bị cáo lồng thêm bên ngoài túi pháo vừa mua được 01 túi nilon màu đen để chống ẩm rồi cất đi. Đến khoảng 20 giờ ngày 22/11/2018, bị cáo đang ở nhà thì H gọi và bảo lên nhà H lấy pháo. Bị cáo đồng ý, đến khoảng 21 giờ cùng ngày, bị cáo lấy túi nilon đựng 02 hộp pháo mua của H hôm trước, bỏ chiếc túi nilon màu xanh đi, chỉ đựng bằng túi nilon màu đen. Sau đó, bị cáo điều khiển xe mô tô mang theo túi pháo trên đến nhà H. Tại đây, H đưa cho bị cáo 01 chiếc bao tải màu trắng bên trong có 03 hộp pháo hoa giàn 36; bị cáo cầm số pháo này để vào giá để hàng của xe mô tô cùng hai hộp pháo mua hôm trước rồi điều khiển xe đi về nhà. Khi đi đến khu vực đường Hùng Vương, thuộc khu 4, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ thì bị Công an thị xã P phát hiện, kiểm tra và thu giữ: 05 hộp pháo có tổng trọng lượng 10,3kg; số tiền 466.000 đồng; 01 điện

thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 gắn thẻ sim 0359.466.000; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS 19M1 - 03.759; 01 đăng ký xe mang tên Hoàng Văn Đ; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Anh Đ. Công an đã trả lại cho bố bị cáo là ông Hoàng Văn Đ chiếc xe mô tô cùng đăng ký xe mô tô. Bị cáo không có tài sản gì, thu nhập hàng tháng của bị cáo thấp.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn H khai nhận: Bị cáo thừa nhận lời trình bày của bị cáo Đ là đúng. Về nguồn gốc số pháo bán cho Đ; bị cáo mua một người đàn ông tên Q, ở huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, bị cáo không biết rõ họ tên, địa chỉ cụ thể. Khoảng giữa tháng 11/2018 bị cáo gọi điện liên lạc và hỏi mua của Q 02 hộp pháo hoa giàn 36 loại nhỏ, Q đồng ý và nói giá 600.000 đồng/01 giàn. Đến khoảng 20 giờ 30 phút ngày 19/11/2018 Q gọi điện thoại cho bị cáo bảo ra ngã ba Gò gai, xã P, thị xã P lấy pháo. Khi ra tới nơi, Q đưa cho bị cáo 01 túi nilon màu xanh, bên trong có 02 hộp pháo giàn 36 loại nhỏ. Bị cáo đưa cho Quang 1.200.000 đồng và cầm túi pháo trên mang về. Sau đó, bị cáo tiếp tục gọi điện đặt mua của Q 03 hộp pháo hoa giàn 36 loại to, Q nói 850.000 đồng/01 hộp khi nào có Q sẽ mang lên. Đến khoảng 18 giờ 15 phút ngày 22/01/2018 Q gọi điện bảo bị cáo ra ngã ba Gò gai lấy pháo. Tại đây, Q đưa cho bị cáo 01 bao tải màu trắng, bên trong có 03 hộp pháo hoa giàn 36 loại to, bị cáo đưa cho Q 2.550.000 đồng rồi bao tải đựng pháo đi về. Cả 5 hộp pháo này, bị cáo đã bán lại cho Đ với giá 4.250.000 đồng. Bị cáo không nhớ số điện thoại giao dịch mua bán pháo với Q. Bị cáo đã giao nộp cho Công an chiếc điện thoại bị cáo dùng trao đổi mua bán pháo với Đ. Bị cáo không có tài sản gì, thu nhập hàng tháng của bị cáo thấp. Bố, mẹ bị cáo là người có công với cách mạng được tặng thưởng bằng khen kháng chiến.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Đ trình bày: Ông là bố đẻ bị cáo Đ. Khi Đ lấy xe mô tô của ông đi đến nhà bị cáo H để lấy pháo, ông không biết. Bị cáo Đ không nói gì với ông. Ông đã nhận lại chiếc xe mô tô cùng đăng ký xe mang tên ông.

Bản cáo trạng số 14/CT-VKSTXPT ngày 13/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Trần Văn H về tội: “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 190 Bộ luật hình sự; bị cáo Hoàng Anh Đ về tội: “Tàng trữ hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 191 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố không có lời tranh luận và bào chữa nào khác. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn H phạm tội: “Buôn bán hàng cấm”; Bị cáo Hoàng Anh Đ phạm tội: “Tàng trữ hàng cấm”.

Áp dụng điểm c khoản 1 điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn H.

Phạt Trần Văn H từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

Áp dụng điểm c khoản 1 điều 191, điểm i, s khoản 1 điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Anh Đ.

Phạt Hoàng Anh Đ từ 6 tháng đến 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

-Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu của bị cáo Hoàng Anh Đ một thùng bìa cát tông niêm phong của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an tại hai mặt của thùng có dán 04 giấy niêm phong, trên mỗi tờ giấy niêm phong đều có 02 loại chữ ký của giám định viên và điều tra viên, 01 chiếc bao tải màu trắng và 01 túi nilon màu đen để tiêu hủy;

Tịch thu: của bị cáo Hoàng Anh Đ 01 điện thoại di động nhãn Iphone 6 gắn thẻ sim 0359.466.000 đã qua sử dụng; của bị cáo Trần Văn H một chiếc điện thoại Iphone 6 màu xám đen đã qua sử dụng, gắn thẻ sim 0988.426.458 để bán nộp ngân sách nhà nước;

Trả lại cho bị cáo Hoàng Anh Đ 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Anh Đ và số tiền 466.000đ (Bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Xác nhận ngày 20/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã trả cho ông Hoàng Văn Đ 01 xe mô tô BKS 19M1 - 03.759, cùng đăng ký xe mô tô BKS 19M1 - 03.759 mang tên Hoàng Văn Đ là hợp pháp.

Truy thu của bị cáo Trần Văn H số tiền 4.250.000đ (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo ân hận về hành vi mà các bị cáo đã phạm, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng:*

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo:*

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo: Trần Văn H và Hoàng Anh Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, Bị cáo Trần Văn H đã có hành vi

bán trái phép 10,3 kg pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ) vào ngày 21 và 22/11/2018 cho Hoàng Anh Đ tại nhà ở của H tại khu 3, xã P, thị xã P. Bị cáo Hoàng Anh Đ có hành vi tàng trữ trái phép 10,3 kg pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ) bị Công an phát hiện kiểm tra và thu giữ vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 22/11/2018 tại khu 4, xã P, thị xã P như đã nêu trên. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo H không nhận diện số thuê bao của người đàn ông tên Q (đã bán pháo cho H) trong danh sách lịch sử cuộc gọi đi, cuộc gọi đến từ số thuê bao của H nhưng H không nhớ và không nhận ra được số thuê bao của Q. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác định được người tên Q như H khai báo. Vì vậy, bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự về số pháo đã bán cho Hoàng Anh Đ. Lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với kết luận trung cầu giám định, lời khai của người chứng kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Trần Văn H đã phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định điểm c tại khoản 1 điều 190 Bộ luật hình sự, bị cáo Hoàng Anh Đ đã phạm tội “Tàng trữ hàng cấm” theo quy định điểm c tại khoản 1 điều 191 Bộ luật hình sự. Qua đó thấy rằng, Viện kiểm sát nhân dân thị xã P truy tố các bị cáo về tội danh cũng như điều luật áp dụng là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tại khoản 1 điều 190 Bộ luật hình sự quy định: *“Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 244, 246, 248, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

a) ..

c) *Sản xuất, buôn bán pháo nổ từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam; ...”*

Tại khoản 1 điều 191 Bộ luật hình sự quy định: *“Người nào tàng trữ, vận chuyển hàng cấm thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 239, 244, 246, 249, 250, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

a) ..

c) *Pháo nổ từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam; ...”*

[3].*Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý kinh tế của nhà nước được pháp luật hình sự bảo vệ, gây bất bình trong nhân dân, làm mất trật tự trị an ở địa phương. Hơn nữa nó còn là mầm mống gây nên các hậu quả nghiêm trọng khác. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm để giáo dục các bị cáo và làm gương cho những ai đã, đang có hành vi tương tự như các bị cáo đã phạm.

Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe, có hiểu biết xã hội, bị cáo H không chịu lao động làm ăn lương thiện mà đã trực tiếp buôn bán hàng cấm nhằm thu lợi bất chính, bị cáo Đ có hành vi tàng trữ hàng cấm nên phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi mà các bị cáo gây ra.

Các bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Lần phạm tội này bị cáo Trần Văn H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: sau khi phạm tội thật thà khai báo; bố, mẹ bị cáo là người có công với cách mạng được tặng thưởng bằng khen kháng chiến quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Hoàng Anh Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội thật thà khai báo quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự và các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào nên hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là chưa cần thiết mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo theo quy định tại điều 65 của Bộ luật hình sự dưới sự quản lý và giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội. Với mức hình phạt như Viện kiểm sát nhân dân thị xã P đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp. Mức án đó cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội.

Cần hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo.

[4]. Về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 4 Điều 190 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”.

Tại khoản 4 Điều 191 Bộ luật hình sự: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”.

Xét thấy, các bị cáo: Trần Văn H và Hoàng Anh Đ không có tài sản sống cùng bố, mẹ, nghề nghiệp làm công nhân thu nhập thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp với điều kiện thực tế của các bị cáo.

[5]. Về vật chứng:

Các vật chứng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã tạm giữ và chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thị xã P gồm: một thùng bìa cát tông niêm phong của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an tại hai mặt của thùng có dán 04 giấy niêm phong, trên mỗi tờ giấy niêm phong đều có 02 loại chữ ký của giám định viên và điều tra viên, 01 điện thoại di động nhãn Iphone 6 gắn thẻ sim 0359.466.000 đã qua sử dụng, 01 chiếc bao tải màu trắng và 01 túi nilon màu đen của bị cáo Đ; một chiếc điện thoại Iphone 6 màu xám đen đã qua sử dụng, gắn thẻ sim 0988.426.458 của bị cáo H là hàng cấm và dụng cụ, phương tiện dùng trao đổi mua bán và chứa hàng cấm nên cần tịch thu bán nộp ngân sách nhà nước và tiêu hủy theo quy định của pháp luật; Còn 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Anh Đ và số tiền 466.000 đồng thu giữ của bị cáo Đ không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Quá trình điều tra xác định 01 xe mô tô BKS 19M1 - 03.759, cùng đăng ký xe mô tô BKS 19M1 - 03.759 mang tên Hoàng Văn Đ là của ông Đ. Tối ngày 22/11/2018, bị cáo Đ dùng xe mô tô chở pháo ông Đ không biết nên ngày 20/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã trả cho ông Đ 01 xe mô tô trên cùng đăng ký xe mô tô BKS 19M1 - 03.759 mang tên Hoàng Văn Đ là phù hợp cần xác nhận.

Còn số tiền 4.250.000đồng là số tiền bán pháo cho bị cáo Đ mà H thu được. Đây là số tiền thu lời bất chính và bị cáo H đã chi tiêu cá nhân hết không thu hồi được nên cần truy thu của bị cáo H số tiền trên để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[6].*Về án phí*: Các bị cáo: Trần Văn H và Hoàng Anh Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn H. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn H phạm tội: “Buôn bán hàng cấm”, phạt Trần H 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 điều 191, điểm i, s khoản 1 điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Anh Đ. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Anh Đ phạm tội: “Tàng trữ hàng cấm”, phạt Hoàng Anh Đ 6 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo: Trần Văn H và Hoàng Anh Đ cho Ủy ban nhân dân xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ để giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo: Trần Văn H và Hoàng Anh Đ có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong thời gian thử thách, bị cáo Trần Văn H, bị cáo Hoàng Anh Đ cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trần Văn H, bị cáo Hoàng Anh Đ phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối các bị cáo.

-Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng khoản 1 điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú: số 15/2019/LCĐKNCT đối với bị cáo Trần Văn H; số 16/2019/LCĐKNCT đối với bị cáo Hoàng Anh Đ của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ ngày 14/3/2019.

-Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu của bị cáo Hoàng Anh Đ một thùng bìa cát tông niêm phong của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an tại hai mặt của thùng có dán 04 giấy niêm phong, trên mỗi tờ giấy niêm phong đều có 02 loại chữ ký của giám định viên và điều tra viên, 01 chiếc bao tải màu trắng và 01 túi nilon màu đen để tiêu hủy;

Tịch thu: của bị cáo Hoàng Anh Đ 01 điện thoại di động nhãn Iphone 6 gắn thẻ sim 0359.466.000 đã qua sử dụng; của bị cáo Trần Văn H một chiếc điện thoại Iphone 6 màu xám đen đã qua sử dụng, gắn thẻ sim 0988.426.458 để bán nộp ngân sách nhà nước;

Trả lại cho bị cáo Hoàng Anh Đ 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Anh Đ và số tiền 466.000đ (Bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng đến Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ ngày 19/3/2019).

Xác nhận ngày 20/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã trả cho ông Hoàng Văn Đ 01 xe mô tô BKS 19M1 - 03.759, cùng đăng ký xe mô tô BKS 19M1 - 03.759 mang tên Hoàng Văn Đ là hợp pháp.

Truy thu của bị cáo Trần Văn H số tiền 4.250.000đ (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo: Trần Văn H và Hoàng Anh Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, VKSND thị xã;
- Công an thị xã;
- Sở tư pháp;
- Các bị cáo; Người CQL,NVLQ;
- UBND xã Phú Hộ;
- THAHS, THADS;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng

**T.M Hội đồng xét xử
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hà Thu Hiền

